

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----~~380~~-----

PHỤ LỤC
HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Số: 01/2025/PLHĐXLNT-CPTN)

- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Căn cứ Quyết định số 2642/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Thống Nhất về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 509/GPMT-BTNMT cấp ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên Môi trường và số 168/GPMT-BTNMT ngày 07/5/2024 của Bộ Tài nguyên Môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) cấp cho Công ty Cổ phần Thống Nhất;

- Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020 được ký kết giữa Công ty cổ phần Thống Nhất và Công ty TNHH Hyundai Tech Vina;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 06 năm 2025 tại Văn phòng Công ty cổ phần Thống Nhất, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

- Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (84.251).3924377 - 3924690
- Fax : (84.251).3924692
- Mã số thuế : 3600667859
- Số tài khoản : 6790211915 tại Ngân hàng BIDV Việt Nam – Chi nhánh Biên Hoà.
- Người đại diện : Ông **NGUYỄN HOÀNG DŨNG**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH HYUNDAI TECH VINA

- Địa chỉ : KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (84.251). 2814411
- Fax :
- Mã số thuế : 3603216558
- Đại diện : Ông **KIM BONG HWA**
- Chức vụ : Giám đốc nhà máy

Hai bên cùng thỏa thuận đồng ý ký kết bản phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

1/ Điều chỉnh bổ sung thay thế **Mục 3.2.1, 3.2.2 tại Khoản 3.2 và Khoản 3.3:** về mức phí xử lý nước thải và thời điểm tính phí xử lý nước thải của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020 với nội dung như sau:

1.1/ Điều kiện thường: là điều kiện cho phép đầu nối tại **cột B** của **Bảng điều chỉnh thay thế Phụ lục 01** của Phụ lục Hợp đồng này với mức phí xử lý nước thải là **13.000 đồng/m³** (tương đương 0,50 USD/m³) – chưa bao gồm thuế GTGT. Mức thu phí xử lý nước thải được tính theo công thức sau:

$$T = F \times Q$$

Trong đó:

- **T:** Chi phí xử lý nước thải
- **Q:** Khối lượng nước thải (được tính bằng 80% nước sạch cấp đầu vào)
- **F:** Đơn giá xử lý 1m³ nước thải là 13.000 đồng/m³ (tương đương 0,50 USD/m³)

(Mức phí trên có thể thay đổi theo tỷ giá USD tại thời điểm thanh toán, tỷ giá trên tạm tính 1USD = 26.000 đồng).

1.2/ Thời điểm tính phí nước thải: Kỳ thanh toán **tháng 7/2025**, cùng kỳ với nước cấp, trên cơ sở 80% khối lượng nước sạch sử dụng trong kỳ.

1.3/ Trong trường hợp, Bên A lấy mẫu kiểm tra, phân tích đột xuất, phát hiện thành phần và nồng độ nước thải của Bên B có một hoặc một số thông số vượt quá trị số giới hạn quy định tại **cột B** và không vượt **cột C** của **Bảng điều chỉnh thay thế Phụ lục 01** của Phụ lục Hợp đồng này thì Bên A sẽ tính phí phụ thu xử lý nước thải tăng thêm của Bên B trong tháng đó như sau:

$$T = F \times Q \times K$$

Trong đó: **K** là hệ số tính thêm được tính căn cứ vào kết quả phân tích của các lần lấy mẫu đột xuất trong tháng. Thông số có hàm lượng ô nhiễm thuộc nhóm 2 mà hệ số **K** cao nhất trong các lần lấy mẫu sẽ được chọn làm hệ số tính thêm. Nhóm ô nhiễm 1, 2 được quy định tại **Bảng điều chỉnh thay thế Phụ lục 01** của Phụ lục Hợp đồng này.

► Hệ số **K** xác định theo các thông số: COD, Nhiệt độ, BOD, TSS, Clorua, Tổng Nitơ, Độ màu, Cadimi và Dầu mỡ khoáng (nhóm 2) như sau:

STT	Thông số	Hàm lượng giới hạn	Hệ số K
1/	COD (mg/l)	≤150	1,0
		151 – 200	1,25

		201 – 250	1,5
		251 -300	1,75
		301 – 400	2,0
2/	Nhiệt độ (0C)	≤40	1,0
		41 -45	2,0
3/	BOD ₅ (mg/l)	≤50	1,0
		51 -100	1,5
		101 – 200	2,0
4/	TSS (mg/l)	≤100.	1,0
		101 – 150	1,5
		151 – 200	2,0
5/	Clorua (mg/l)	≤ 600	1,0
		601 - 800	2,0
		801 - 1000	4,0
6/	Tổng Nitơ (mg/l)	≤30	1,0
		31 - 35	2,0
		36 - 40	4,0
7/	Độ màu (Co-Pt ở pH = 7)	≤ 50	1,0
		51 - 100	2,0
		101 - 150	4,0
8/	Cadimi (mg/l)	≤ 0,01	1,0
		0,01 < K ≤ 0,05	2,0
		0,05 < K < 0,1	4,0
9/	Dầu mỡ khoáng (mg/l)	≤ 5	1,0
		5 < K ≤ 7,5	2,0
		7,5 < K < 10	4,0

1.4/ Trong trường hợp, Bên A lấy mẫu kiểm tra, phân tích đột xuất, phát hiện thành phần và nồng độ nước thải của Bên B có một hoặc một số thông số vượt quá trị số giới hạn quy định tại **cột C** của **Bảng điều chỉnh thay thế Phụ lục 01** thì Bên A sẽ tính phí phạt Hợp đồng xử lý nước thải tăng thêm của Bên B trong tháng đó theo **Khoản 3.2.3** của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020 đồng thời ngưng tiếp nhận nước thải.

2/ Bổ sung điều khoản điều chỉnh đơn giá phí xử lý nước thải trong các trường hợp sau đây:

667859
NG TY
PHÂN
NG NHÃ
M-T.Đ
3216558
CÔNG TY
TNHH
HYUNDAI
TECH VINA
BOM-T.Đ

- Trường hợp bị ảnh hưởng bởi sự điều chỉnh từ các chính sách của Nhà nước Việt Nam hoặc biến động về giá cả thị trường làm tăng chi phí vận hành, xử lý nước thải của Bên A thì hai bên sẽ thoả thuận điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải bằng phụ lục hợp đồng và/hoặc:

- Trường hợp Nhà nước Việt Nam có điều chỉnh tiêu chuẩn, quy chuẩn nước thải sau khi xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo hoặc khi Doanh nghiệp có thay đổi về quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, công nghệ sản xuất làm thay đổi tính chất và lưu lượng xả thải buộc Bên A phải thực hiện xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cao hơn so với hiện nay thì hai bên sẽ thống nhất điều chỉnh lại đơn giá xử lý nước thải phù hợp với quy định hiện hành. Mức tăng không quá 20% trong 3 năm.

3/ Bảng điều chỉnh thay thế Phụ lục 01 của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị các thông số ô nhiễm nước thải đầu vào Trạm XLNT (Cột B)	Giới hạn cao nhất giá trị cho phép nước thải đầu vào Trạm XLNT (Cột C)	Phân loại nhóm ô nhiễm
1.	Nhiệt độ	°C	40	45	2
2.	pH	-	5 -9	5 - 9	1
3.	Độ màu (Co-Pt ở pH = 7)	-	50	150	2
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	200	2
5.	COD	mg/l	150	400	2
6.	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	200	2
7.	Asen (As)	mg/l	0,1	0,1	1
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01	0,01	1
9.	Chì (Pb)	mg/l	0,5	0,5	1
10.	Cadimi (Cd)	mg/l	0,01	0,1	2
11.	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,1	0,1	1
12.	Crom (III) (Cr ³⁺)	mg/l	1,0	1,0	1
13.	Đồng (Cu)	mg/l	2,0	2,0	1
14.	Kẽm (Zn)	mg/l	3,0	3,0	1
15.	Niken (Ni)	mg/l	0,5	0,5	1
16.	Mangan (Mn)	mg/l	1,0	1,0	1
17.	Sắt (Fe)	mg/l	5,0	5,0	1

18.	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,1	0,1	1
19.	Tổng Phenol	mg/l	0,5	0,5	1
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,0	10	2
21.	Clo dư	mg/l	2,0	2,0	1
22.	Tổng PCB	mg/l	0,01	0,01	1
23.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,0	1,0	1
24.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,1	0,1	1
25.	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5	0,5	1
26.	Florua (F ⁻)	mg/l	10	10	1
27.	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	600	1.000	2
28.	Amoni tổng (tính theo N)	mg/l	10	10	1
29.	Tổng Nito	mg/l	30	40	2
30.	Tổng Photpho	mg/l	6,0	6,0	1
31.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1	1
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0	1
33.	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000	1

ĐIỀU 2: THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Bản phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Mọi điều, khoản khác của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/2020/HĐXLNT-CPTN ngày 01/9/2020 giữa Công ty cổ phần Thống Nhất và Công ty TNHH Hyundai Tech Vina vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý;

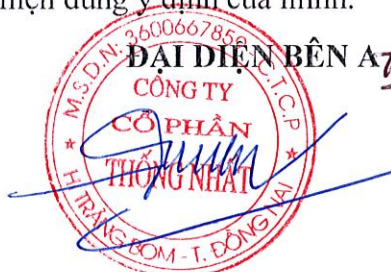
- Bản phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản; Cả hai Bên đã đọc các nội dung của bản phụ lục Hợp đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN B



KIM BONG HWA

ĐẠI DIỆN BÊN A



NGUYỄN HOÀNG DŨNG